

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Vũ Hùng	Chủ tịch (từ ngày 22/4/2016)
Ông Đặng Thái Hưng	Chủ tịch (trước ngày 22/4/2016)
Ông Đặng Thái Hưng	Thành viên (từ ngày 22/4/2016)
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Thành viên
Ông Khổng Đình Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Nhất Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Song Hải	Thành viên (trước ngày 22/4/2016)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

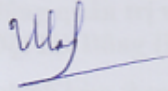
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Thái Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2017



Số: 24/2017/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/3/2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hoài Nam

Phó Giám đốc

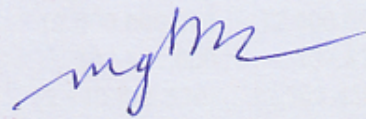
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1436-2015-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

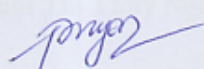
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016		01/01/2016	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.017.267.419		103.709.798.911	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		52.375.035.557		40.084.334.532	
1. Tiền	111	5	7.861.255.765		4.974.464.379	
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.513.779.792		35.109.870.153	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.298.190.141		5.714.022.973	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.622.985.929		5.041.228.421	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.589.190.243		629.100.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	166.013.969		123.694.552	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(80.000.000)		(80.000.000)	
III. Hàng tồn kho	140		19.588.675.480		24.072.343.240	
1. Hàng tồn kho	141	11	19.588.675.480		24.072.343.240	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.755.366.241		33.839.098.166	
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.747.786.465		33.839.098.166	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.2	7.579.776		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.633.714.948		140.093.428.756	
I. Tài sản cố định	220		101.464.913.361		107.656.369.593	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	101.464.913.361		107.656.369.593	
- Nguyên giá	222		174.494.274.662		170.986.944.571	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.029.361.301)		(63.330.574.978)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-		-	
- Nguyên giá	228		42.000.000		42.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.000.000)		(42.000.000)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		280.000.000		140.000.000	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	280.000.000		140.000.000	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.767.058.470		9.740.415.995	
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.1	12.000.000.000		12.000.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9.1	307.875.000		307.875.000	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9.2	(2.540.816.530)		(2.567.459.005)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.121.743.117		22.556.643.168	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.121.743.117		22.556.643.168	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		229.650.982.367		243.803.227.667	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

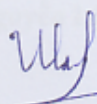
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	
			31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		129.253.994.206	149.695.521.826
I. Nợ ngắn hạn	310		60.597.409.956	69.099.837.126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.120.044.138	16.091.434.324
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		192.431.020	232.638.968
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	21.522.259	1.472.785.934
4. Phải trả người lao động	314		4.691.507.656	4.678.186.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	70.000.000	70.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.715.575.957	38.382.922
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	26.096.255.466	40.588.881.368
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.690.073.460	5.927.527.126
II. Nợ dài hạn	330		68.656.584.250	80.595.684.700
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	68.656.584.250	80.595.684.700
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.396.988.161	94.107.705.841
I. Vốn chủ sở hữu	410		100.396.988.161	94.107.705.841
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	13.000.000.000	13.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.000.000.000	13.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	57.649.757.274	54.142.427.183
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6.485.269.269	2.366.995.068
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	23.261.961.618	24.598.283.590
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.514.278.821	11.514.278.821
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.747.682.797	13.084.004.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		229.650.982.367	243.803.227.667

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng



Hà Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2017
 Tổng Giám đốc

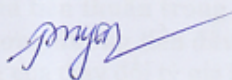
Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

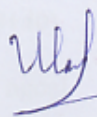
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	248.085.509.221	262.778.822.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	749.842.213	197.383.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	247.335.667.008	262.581.439.260
4. Giá vốn hàng bán	11	23	212.276.249.296	232.899.521.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.059.417.712	29.681.917.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.778.745.989	2.885.521.080
7. Chi phí tài chính	22	25	4.948.212.140	8.278.491.392
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.732.164.004	3.079.505.151
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	6.716.157.991	6.489.251.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	8.125.125.234	8.236.583.043
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		18.048.668.336	9.563.112.711
11. Thu nhập khác	31	27	27.825	7.264.298.547
12. Chi phí khác	32	28	3.308.593.142	(78.586.801)
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.308.565.317)	7.342.885.348
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.740.103.019	16.905.998.059
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.992.420.224	3.821.993.290
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.747.682.795	13.084.004.769
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	9.037	8.866

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2017
Tổng Giám đốc



Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

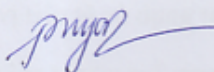
Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

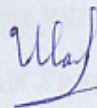
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.740.103.019	16.905.998.059
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	9.698.786.323	6.965.726.469
- Các khoản dự phòng	03	9.2	(26.642.475)	(2.509.678.337)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.196.166.939	274.758.330
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(1.953.082.545)	(2.010.332.354)
- Chi phí lãi vay	06	25	3.732.164.004	3.079.505.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.387.495.265	22.705.977.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.499.571.477	(1.831.451.437)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.483.667.760	(2.856.213.301)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.619.721.414	(10.794.193.628)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		434.900.051	(22.505.796.502)
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(3.732.164.004)	(3.079.505.151)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(4.451.993.290)	(12.588.582.027)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.795.854.141)	(1.440.562.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.445.344.532	(32.390.326.840)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.579.826.041)	(88.956.476.689)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	727.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	1.953.082.545	1.986.035.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.626.743.496)	(86.243.167.980)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		27.043.767.100	133.626.997.558
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.587.623.747)	(44.317.256.177)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20b	(3.900.000.000)	(1.950.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.443.856.647)	87.359.741.381
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		12.374.744.389	(31.273.753.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		40.084.334.532	71.355.861.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(84.043.364)	2.226.044
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		52.375.035.557	40.084.334.532

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Phạm Thị Thúy Nga

Nguyễn Lệ Hằng



Đặng Thái Hưng